

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2023

“V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm

Ông Danh Út Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Thị L1, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh Kha L2, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Thị L1 như sau:

Vào năm 2013 chị và anh L2 quen biết, tự tìm hiểu nhau được thời gian gần một năm rồi tiến tới hôn nhân, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao ngày 28/01/2013. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được khoảng một năm là nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L2 không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con và hai người cũng không hợp nhau về quan điểm sống nên hai người thường xuyên cãi nhau. Trong thời gian vợ chồng còn sống chung chị và anh L2 cãi nhau và anh L2 đã bỏ đi không sống chung với chị từ năm 2014 đến năm 2019 anh L2 có về gặp chị xin cho anh L2 cơ hội về sống chung để hàn gắn hôn nhân, vì thương con nên chị cũng đồng ý quay lại sống chung nhưng được thời gian ngắn anh L2 vẫn bộc lộ tính tình không tốt như trước đây nên cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc mà làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Trong thời gian chị kết hôn với anh L2 thì chỉ có một mình chị lo cho con còn anh L2 làm bao nhiêu tiền cũng chi tiêu xài cá nhân không phụ giúp lo cho gia đình,

do hai người không hạnh phúc nên chị và anh L2 đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nay, chị suy nghĩ rất kỹ không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh L2 được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L2.

Chị và anh L2 có một người con chung là Thị A, sinh ngày 22/10/2013, cháu A sống chung với chị từ khi trước đến nay. Chị L1 xác định chị và anh L2 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị L1 yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh Kha L2; Về con chung chị L1 yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Thị A và chị L1 không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Danh Kha L2 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh L2 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử chấp cho chị Thị L1 được ly hôn với anh Danh Kha L2. Về con chung giao con chung Thị A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị L1 không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nên Viện kiểm sát không đề nghị. Về tài sản chung và nợ chung chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Thị L1 yêu cầu ly hôn với anh Danh Kha L2, yêu cầu nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, yêu cầu nuôi con” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Danh Kha L2 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: chị L1 và anh L2 quen biết tìm hiểu nhau được thời gian khoảng một năm rồi tự nguyện kết hôn với nhau, anh chị có tổ chức đám cưới và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao số: 11/2013 vào ngày 28/01/2013 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị L1 được ly hôn với anh L2 vì lý do anh L2 không lo cho gia đình, không quan tâm vợ con và hai người cũng không hợp nhau về quan điểm sống nên hai người thường xuyên cãi nhau. Trong thời gian vợ chồng còn sống chung chị và anh L2 cãi nhau và anh L2 đã bỏ đi không sống chung với chị từ năm 2014 đến năm 2019 anh L2 có về gặp chị xin cho anh L2 cơ hội về sống chung để hàn gắn hôn nhân, vì thương con nên chị cũng đồng ý quay lại sống chung nhưng được thời gian ngắn anh L2 vẫn bộc lộ tính tình không tốt như trước đây nên cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc mà làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Trong thời gian chị kết hôn với anh L2 thì chỉ có một mình chị lo cho con còn anh L2 làm bao nhiêu tiền cũng chỉ tiêu xài cá nhân không phụ giúp lo cho gia đình, do hai người không hạnh phúc nên chị và anh L2 đã ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Đối với anh L2, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh L2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị L1 khai rõ trong thời gian ly thân chị và anh L2 không gặp nhau nên không thể hàn gắn đời sống hôn nhân được nữa và chị cũng không còn tình cảm với anh L2, chị L1 cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh L2. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa chị L1 và anh L2 mới phát sinh sự bất đồng quan điểm và không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L1 khai vợ chồng chị có một người con chung tên Thị A, sinh ngày 22/10/2013. Chị L1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu A đã sống chung với chị L1 và hiện nay vẫn phát triển bình thường; hơn nữa, Thị A có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên yêu cầu của chị L1 là phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật, do đó HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L1 không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Đối với bị đơn anh Danh Kha L2, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh L2 vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được

địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh L2 theo quy định nhưng anh L2 vẫn không có mặt không có lý do và anh L2 cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L1 cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: bằng 300.000 đồng, chị Thị L1 phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị L1 được ly hôn với anh Danh Kha L2.

2. Về con chung: Giao Thị A, sinh ngày 22/10/2013 cho chị Thị L1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh L2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng: Miễn xét

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị L1 phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006590 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Chị L1 đã nộp xong án phí HNST.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 5/7/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh